

1.2. Quy định tại khoản 2 Điều 87 về đối tượng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân chưa phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế. Đối tượng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân của Việt Nam chưa quy về một đối tượng cụ thể, duy nhất. Việc này đã khiến cho nhiều nhà thầu, công ty kinh doanh công nghệ, thiết bị, vật liệu hạt nhân và những đối tác quan trọng của Việt Nam bày tỏ nhiều lo ngại khi hợp tác với Việt Nam trong quá trình xây dựng nhà máy điện hạt nhân. Theo quy định quốc tế, chỉ có duy nhất tổ chức được cấp giấy phép vận hành (*operator*) chịu trách nhiệm bồi thường khi xảy ra thiệt hại hạt nhân.

1.3. Mức bồi thường thiệt hại hạt nhân của Luật hiện hành không phù hợp với quy định chung của quốc tế. Điểm c khoản 2 Điều 88 Luật NLNT 2008 quy định tổng mức bồi thường thiệt hại đối với mỗi sự cố xảy ra tại nhà máy điện hạt nhân không vượt quá 150 triệu SDR¹⁴. Theo quy định tại điều ước quốc tế¹⁵ và khuyến cáo của Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA), tổng mức bồi thường tối thiểu cho mỗi sự cố hạt nhân xảy ra tại mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm 300 triệu SDR.¹⁶

Từ những bất cập nêu trên, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định về bồi thường thiệt hại tại Luật NLNT 2008, tạo ra hành lang pháp lý để Chính phủ, các Bộ có thể quy phạm hóa các quy định về bồi thường thiệt hại bức xạ, thiệt hại hạt nhân để thực thi đồng bộ chính sách về bồi thường thiệt hại, phù hợp với pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế.

2. Mục tiêu của chính sách

a) Khắc phục các bất cập của các quy định tại Luật NLNT 2008 về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại) đối với thiệt hại hạt nhân;

b) Phân biệt giữa thiệt hại bức xạ (được điều chỉnh theo pháp luật dân sự) và thiệt hại hạt nhân (được điều chỉnh tại pháp Luật NLNT 2008);

c) Bảo đảm phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế, góp phần tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, tạo niềm tin của các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào các dự án về NLNT, về điện hạt nhân ở Việt Nam;

d) Nâng cao trách nhiệm của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân trong việc bảo đảm an toàn và phòng ngừa sự cố xảy ra đối với cơ sở hạt nhân;

đ) Bảo đảm tính khả thi trong việc xác định thiệt hại, bảo đảm nguồn tài chính để bồi thường thiệt hại hạt nhân.

¹⁴SDR quy định tại khoản này là đơn vị tiền tệ do Quỹ tiền tệ quốc tế xác định, là quyền rút vốn đặc biệt, được quy đổi thành tiền Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán bồi thường.

¹⁵ Công ước Viên về Trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân năm 1963, sửa đổi, bổ sung năm 1997; Điều 1.A.

¹⁶ Handbook on Nuclear Law, IAEA 2010, Chương 11, trang 107.

3. Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề

Đề xuất 2 phương án giải pháp thực hiện chính sách:

3.1. Phương án 1:

Giữ nguyên như quy định của Luật hiện hành.

3.2. Phương án 2:

a) Sửa đổi các quy định sau của Luật NLNT 2008:

- Tách quy định về bồi thường thiệt hại bức xạ thành một Điều riêng và quy định “*trách nhiệm bồi thường thiệt hại bức xạ được xác định theo quy định của pháp luật dân sự.*”; các điều khác chỉ quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Sửa quy định về chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân từ “*Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu giao quyền lưu giữ, sử dụng vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân*” thành “*Tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân.*”

- Quy định mức trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân đối với mỗi sự cố xảy ra tại nhà máy điện hạt nhân là 300 SDR.

b) Bỏ quy định về Quỹ bồi thường thiệt hại hạt nhân để giảm gánh nặng cho tổ chức vận hành và nhà nước (nhà nước phải thành lập và duy trì hoạt động bộ máy quản lý Quỹ).

3.3. Phương án 3:

a) Sửa đổi các quy định sau của Luật NLNT 2008:

- Tách quy định về bồi thường thiệt hại bức xạ thành một Điều riêng và quy định “*trách nhiệm bồi thường thiệt hại bức xạ được xác định theo quy định của pháp luật dân sự.*”; các điều khác chỉ quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Sửa quy định về chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân từ “*Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu giao quyền lưu giữ, sử dụng vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân*” thành “*Tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân.*”

- Quy định mức trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân đối với mỗi sự cố xảy ra tại nhà máy điện hạt nhân là 300 SDR.

b) Vẫn duy trì cả Quỹ bồi thường thiệt hại hạt nhân và hình thức bảo hiểm để bảo đảm tài chính. Giao Chính phủ quy định về Quỹ.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Tác động của Phương án 1

a) Tác động về kinh tế:

** Lợi ích:*

- Với Nhà nước: Không phát sinh thêm các chi phí và ngân sách.
- Với tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân: Không thay đổi so với hiện trạng.
- Với người dân: Không thay đổi so với hiện trạng.

** Chi phí:*

- Với Nhà nước: Không thay đổi so với hiện trạng.
- Với doanh nghiệp:

Nếu giữ nguyên quy định hiện tại, tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân vừa phải mua bảo hiểm nghề nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường là ba loại hình bảo hiểm bảo đảm cho doanh nghiệp chi trả để bồi thường thiệt hại hạt nhân. Việc này gây gánh nặng tài chính cho tổ chức.

- Với người dân: Không phát sinh chi phí.

b) Tác động về xã hội:

Không có tác động về xã hội.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động về hệ thống pháp luật:

Không phát sinh sự thay đổi trong hệ thống pháp luật hiện hành; Không gây ra chòng chéo, xung đột với các hệ thống pháp luật hiện hành. Tuy nhiên việc Chính phủ phải quy định về việc mua bảo hiểm sẽ tác động đến pháp luật về bảo hiểm.

đ) Tác động về giới: Không phát sinh các vấn đề về giới.

4.2. Tác động của Phương án 2

a) Tác động về kinh tế:

- Đối với nhà nước:

Nhà nước sẽ giảm được ngân sách để đóng góp và duy trì Quỹ hỗ trợ bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Đối với doanh nghiệp

Đối với tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân, chi phí cho việc mua bảo hiểm có thể tăng lên gấp đôi, tuy nhiên sẽ tiết giảm được chi phí đóng góp cho Quỹ hỗ trợ bồi thường thiệt hại hạt nhân.

Tuy nhiên, nếu không có doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực này, tổ chức vận hành có nhu cầu sẽ không thể mua được bảo hiểm và đứng trước nguy cơ sẽ phải bồi thường lớn, thậm chí phá sản khi thiệt hại hạt nhân xảy ra. (Đặc biệt trong trường hợp nhà nước chưa tham gia và thực hiện nghĩa vụ theo Công ước về bồi thường thiệt hại hạt nhân).

- Đối với người dân

Trong trường hợp xảy ra sự cố hạt nhân, người dân sẽ bảo đảm được nhận bồi thường trên cơ sở ưu tiên cho thiệt hại về tính mạng và tổn thương đối với sức khỏe con người.

b) Tác động về xã hội

Việc sửa đổi các quy định theo Giải pháp 2 sẽ tạo tâm lý an tâm cho xã hội, giảm bớt sự lo ngại đối với nguy cơ xảy ra sự cố hạt nhân; tạo niềm tin của các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào các dự án về NLNT, về điện hạt nhân ở Việt Nam; Nâng cao trách nhiệm của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân trong việc bảo đảm an toàn và phòng ngừa sự cố xảy ra đối với cơ sở hạt nhân.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không phát sinh tác động về thủ tục hành chính.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp này sẽ bảo đảm quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân của Việt Nam phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế, góp phần tăng cường hội nhập quốc tế. Tuy nhiên cần phải xem xét sửa đổi pháp luật kinh doanh bảo hiểm để bổ sung loại hình “*bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân.*”

đ) Tác động về giới:

Phương án 2 không phát sinh tác động về giới.

4.3. Tác động của Phương án 3

a) Tác động về kinh tế:

- Đối với nhà nước:

Ngân sách Nhà nước sẽ phải dành một khoản để đóng góp và tham gia duy trì Quỹ hỗ trợ bồi thường thiệt hại hạt nhân theo quy định của Luật.

- Đối với doanh nghiệp

Tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân sẽ phải dành kinh phí để mua bảo hiểm, đồng thời đóng góp Quỹ.

- Đối với người dân

Trong trường hợp xảy ra sự cố hạt nhân, người dân sẽ bảo đảm được nhận bồi thường trên cơ sở ưu tiên cho thiệt hại về tính mạng và tổn thương đối với sức khỏe con người.

b) Tác động về xã hội:

Việc sửa đổi các quy định theo Giải pháp 3 sẽ tạo tâm lý an tâm cho xã hội, giảm bớt sự lo ngại đối với nguy cơ xảy ra sự cố hạt nhân; tạo niềm tin của các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào các dự án về NLNT, về điện hạt nhân ở Việt Nam; Nâng cao trách nhiệm của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân trong việc bảo đảm an toàn và phòng ngừa sự cố xảy ra đối với cơ sở hạt nhân.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không phát sinh tác động về thủ tục hành chính.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp này sẽ bảo đảm quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân của Việt Nam phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế, góp phần tăng cường hội nhập quốc tế. Tuy nhiên cần phải xem xét sửa đổi pháp luật kinh doanh bảo hiểm để bổ sung loại hình “*bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân*”; đồng thời cần phải có quy định cụ thể về nguồn thu và quản lý Quỹ.

đ) Tác động về giới:

Phương án 3 không phát sinh tác động về giới.

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 3** vì các lý do sau:

- Xác định rõ đối tượng chịu trách nhiệm duy nhất trong việc bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Bảo đảm tài chính cho việc bồi thường thiệt hại hạt nhân; giảm gánh nặng bồi thường cho tổ chức vận hành khi có thiệt hại hạt nhân. Ngoài trách nhiệm bồi thường của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân; Nhà nước sẽ sử dụng Ngân sách để hỗ trợ trong một số trường hợp. Trong trường hợp không có tổ chức bảo hiểm hoặc nhà vận hành không mua được bảo hiểm, Quỹ bồi thường thiệt hại hạt nhân sẽ chi trả.

- Các quy định sửa đổi là phù hợp với luật pháp quốc tế, pháp luật Việt Nam; tạo ra sự an tâm của các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài, các tổ chức quốc tế tham gia các hoạt động ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình tại Việt Nam, đặc biệt khi tái khởi động chương trình điện hạt nhân.

- Tác động tốt đến tâm lý xã hội.

- Chi phí thực thi chính sách là nhỏ so với tác động tích cực đạt được.

VI. CHÍNH SÁCH 6: HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

VI.1. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẤP PHÉP

VI.1.1. HOẠT ĐỘNG KHAI BÁO

VI.1.1A. THẨM QUYỀN VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHAI BÁO

1. Xác định vấn đề bất cập

Chính sách quản lý nhà nước trong lĩnh vực NLNT về khai báo hiện nay theo quy định tại Điều 72 Luật NLNT 2008. Tổ chức và thực hiện khai báo chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với hoạt độ trên mức miễn trừ khai báo, thiết bị bức xạ có công suất trên mức miễn trừ khai báo, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân về số lượng, loại, đặc tính, xuất xứ và các thông tin khác quy định tại khoản 3 Điều 22 của Luật NLNT 2008. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức triển khai các chính sách này trong thực tế đã xuất hiện những vấn đề bất cập như sau:

Vấn đề 1: Theo thẩm quyền và phân cấp quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện chính sách về quản lý và cấp phép liên quan đến thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. Việc khai báo theo quy định hiện hành của Luật NLNT 2008: khai báo về Cơ quan an toàn bức xạ (Cục ATBXHN) đối với thiết bị X-quang trong chẩn đoán y tế là không phù hợp với thực tế xã hội và gây khó khăn cho công tác quản lý tại địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ không có thông tin để quản lý và triển khai thực hiện chính sách tổ chức khai báo, cấp phép liên quan.

Vấn đề 2: Việc tổ chức thực hiện “*khai báo chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với hoạt độ trên mức miễn trừ khai báo, thiết bị bức xạ có công suất trên mức miễn trừ khai báo*” được thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - miễn trừ khai báo, cấp giấy phép (QCVN 5: 2010/BKHCN). Tuy nhiên, Quy chuẩn này không bao gồm các quy định liên quan đến: Chất thải phóng xạ dạng khí hoặc dạng lỏng sinh ra trong công việc bức xạ được thải vào môi trường theo kế hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Thực phẩm, nước uống, thức ăn gia súc và các nguyên liệu được dùng trong chế biến thực phẩm và thức ăn gia súc, hàng hóa tiêu dùng; Chất phóng xạ trong vận chuyển. Các đối tượng này chưa có chính sách quản lý này là những đối tượng thường gặp trong thực tiễn và cần thiết phải có chính sách quản lý để bảo đảm an toàn cho xã hội và cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế, Ví dụ: Một số hàng hóa có chứa chất phóng xạ (đầu dò báo khói, báo cháy chứa nguồn phóng xạ như: Am-241, Kr-85, Ra-226 và một số hàng hóa sử dụng một số lượng nhỏ chất phóng xạ đều trên mức miễn trừ khai báo, cấp phép), việc khai báo, cấp phép đối với các

thiết bị chứa các nguồn phóng xạ này có bất cập và khó thực thi trong thực tế. Luật NLNT 2008 chưa quy định việc ban hành các hàng hóa chứa chất phóng xạ thuộc chức năng quản lý nhà nước của các Bộ khác cần ban hành.

2. Mục tiêu của chính sách

a) Góp phần nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cũng như của Cơ quan quản lý về an toàn bức xạ và hạt nhân trong việc đảm bảo an toàn về sức khỏe, tính mạng cho con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội;

b) Góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, đóng góp tích cực trong cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Giải pháp giải quyết vấn đề

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

3.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về khai báo. Theo đó, Luật NLNT (sửa đổi) cần quy định cụ thể:

a) *Đối với vấn đề 1:* Đối với việc khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế: Quy định khai báo về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc phân cấp cho Cơ quan chuyên môn quản lý về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) *Đối với vấn đề 2:* Đối với việc tổ chức thực hiện “khai báo chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với hoạt độ trên mức miễn trừ khai báo, thiết bị bức xạ có công suất trên mức miễn trừ khai báo”: Chính phủ /Bộ KH&CN có trách nhiệm quy định chi tiết vấn đề này. Theo đó sẽ bổ sung quy định về miễn trừ đối với: Chất thải phóng xạ dạng khí hoặc dạng lỏng sinh ra trong công việc bức xạ được thải vào môi trường theo kế hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Thực phẩm, nước uống, thức ăn gia súc và các nguyên liệu được dùng trong chế biến thực phẩm và thức ăn gia súc, hàng hóa tiêu dùng; Chất phóng xạ trong vận chuyển.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật và giữ nguyên các văn bản dưới Luật như hiện nay.

a) *Tác động về kinh tế*

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

- Chi phí: Vì chưa có quy định khai về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên tổ chức, cá nhân phải tiếp tục thực hiện khai báo lần nữa đối với Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh trong việc thực hiện thủ tục hành chính này. Việc này dẫn đến việc lãng phí kinh phí của tổ chức, cá nhân.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Thủ tục hành chính không hợp lý, làm tăng chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.

- Tiêu cực: Khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là không thực hiện được hoặc không nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

4.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về khai báo.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí mới để thực hiện theo giải pháp này.

- Chi phí: Giảm chi phí thực hiện theo giải pháp này.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

- Hoàn thiện tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục hành chính.

- Góp phần giảm chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Tăng khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Tiêu cực: Phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật (quy định trong Luật và văn bản dưới luật).

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích ở trên, Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2**: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về khai báo.

VI.1.1B. KHAI BÁO VIỆC CHUYỂN GIAO NGUỒN BỨC XẠ

1. Xác định vấn đề bất cập

Thực tiễn hiện nay cho thấy, các cơ sở tiến hành công việc bức xạ khi không có nhu cầu sử dụng hoặc dừng hoạt động đã tiến hành bán (chuyển giao, chuyển nhượng) nguồn bức xạ cho đơn vị khác có nhu cầu sử dụng. Khoản 1, Điều 13, Thông tư 22/2014/TT-BKHCN quy định chủ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng có thể lựa chọn chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng nếu nguồn còn nguyên vẹn, không bị rò rỉ phóng xạ. Tuy nhiên, hoạt động mua bán, chuyển nhượng nguồn bức xạ có một số vấn đề bất cập như sau:

1. Khi thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng như trên, cơ sở tiến hành công việc bức xạ chỉ thực hiện báo cáo cơ quan quản lý căn cứ theo điều kiện giấy phép, các văn bản hiện hành chưa quy định trách nhiệm báo cáo và có cơ chế kiểm soát chặt chẽ hoạt động chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ. Khi nguồn bức xạ chuyển giao, buôn bán không được kiểm soát có thể dẫn đến việc sử dụng sai mục đích hoặc sử dụng cho các mục đích xấu, có thể gây nguy cơ nhiễm xạ, tiềm ẩn nguy cơ về bức xạ đối với con người và môi trường, gây bất ổn chính trị xã hội nếu xảy ra sự cố nghiêm trọng. Thực tiễn khi triển khai Luật NLNT đã xảy ra một số trường hợp buôn bán, chuyển giao nguồn bức xạ nhưng không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước, hoặc chỉ báo cáo sau khi đã chuyển giao, dẫn đến việc đơn vị nhận chuyển giao không đủ điều kiện để tiến hành công việc bức xạ, dẫn đến nguy cơ mất an toàn, an ninh.

2. Một số trường hợp khi mua, nhận chuyển giao, chuyển nhượng nguồn bức xạ, đơn vị tiếp nhận chưa có đầy đủ nhận thức hoặc không có đủ nguồn lực về cơ sở vật chất, nhân lực, dẫn đến có nguy cơ mất an toàn, an ninh.

3. Pháp lệnh An toàn và kiểm soát bức xạ 1996 đã quy định việc chuyển nhượng nguồn bức xạ là một công việc bức xạ (quy định tại khoản 5, Điều 3); đồng thời tổ chức, cá nhân tiến hành các công việc bức xạ phải xin giấy phép tiến hành công việc bức xạ (quy định tại khoản 1, Điều 24). Thực tiễn đã chứng minh:

quy định kiểm soát hoạt động mua bán, chuyển nhượng nguồn bức xạ là phù hợp, giúp giảm thiểu những nguy cơ tiềm ẩn về mất an toàn, an ninh.

Từ các vấn đề nêu trên, Bộ KH&CN đề xuất bổ sung quy định liên quan đến việc khai báo khi có kế hoạch chuyển giao nguồn bức xạ.

2. Mục tiêu của chính sách

Góp phần hoàn thiện chính sách về quản lý nhà nước đối với nguồn bức xạ, từ đó góp phần nâng cao công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên quy định trong Luật và các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

Như vậy, tổ chức, cá nhân khi tiến hành chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ chỉ thực hiện báo cáo cơ quan quản lý theo yêu cầu tại điều kiện giấy phép.

3.2. Phương án 2: Bổ sung quy định việc mua bán, chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ là một công việc bức xạ phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

Theo đó, Luật NLNT sẽ quy định việc chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ là một công việc bức xạ; cũng như xây dựng bổ sung các quy định, hướng dẫn về trình tự, thủ tục cấp giấy phép về chuyển giao nguồn bức xạ. Như vậy, cơ sở trước khi chuyển giao nguồn bức xạ sẽ phải thực hiện thủ tục cấp phép liên quan đến chuyển giao nguồn bức xạ.

3.3. Phương án 3: Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân khi có kế hoạch chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ phải tiến hành thủ tục khai báo cơ quan quản lý.

Tổ chức cá nhân khi có kế hoạch chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ bắt buộc phải thực hiện khai báo cơ quan quản lý, đồng thời có cam kết của đơn vị tiếp nhận về việc bảo đảm các quy định về an toàn, an ninh. Phương án này không yêu cầu việc nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí để thực hiện giải pháp, không gây thêm tác động đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh.

- Hạn chế: Vì không có quy định điều kiện việc chuyển giao nguồn bức xạ, các thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ kín có thể được chuyển giao, buôn bán không được kiểm soát, dẫn đến sử dụng sai mục đích hoặc sử dụng vào mục đích xấu có thể gây nguy cơ nhiễm xạ, tiềm ẩn ảnh hưởng bức xạ cho con người và môi trường, gây bất ổn chính trị, xã hội nếu sự cố nghiêm trọng xảy ra.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp này không gây ra thêm những tác động đối xã hội, cộng đồng và các vấn đề khác có liên quan.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

- Tiêu cực: Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, toàn diện liên quan đến việc chuyển nhượng, chuyển giao nguồn phóng xạ.

4.2. Phương án 2: Bổ sung quy định việc mua bán, chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ là một công việc bức xạ phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

a) Tác động về kinh tế

Đối với người dân và doanh nghiệp: việc này có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp khi phải nộp phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép về chuyển giao nguồn bức xạ. Bên cạnh đó, việc thực hiện thủ tục hành chính về cấp phép dẫn đến mất thời gian của doanh nghiệp và ảnh hưởng kinh tế nhưng không thể được định lượng chi tiết.

Nhà nước: thu được khoản phí không đáng kể. Ước tính từ thống kê của Cục ATBXHN cho thấy, trung bình một năm khoảng 70-100 nguồn bức xạ được chuyển giao từ các đơn vị được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ sang cho các đơn vị khác có nhu cầu. Việc này có thể đem lại nguồn thu phí từ 200-300 triệu. Tuy nhiên, sẽ mất các chi phí khác liên quan đến việc bố trí nhân lực thẩm định hồ sơ, đi thẩm định thực tế trước cấp phép, thanh kiểm tra và các hoạt động khác có liên quan.

b) Tác động về xã hội:

Việc thực hiện thủ tục cấp phép trước khi thực hiện chuyển giao là cơ sở để cơ quan quản lý có thông tin, quản lý, kiểm tra, thanh tra đơn vị tiếp nhận nguồn bức xạ để tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

c) Tác động thủ tục hành chính

- Giải pháp này sẽ làm tăng chi phí thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xin cấp giấy phép chuyển nhượng, chuyển giao nguồn phóng xạ.

- Phát sinh thêm thủ tục hành chính về cấp phép tiến hành công việc bức xạ về chuyển nhượng, chuyển giao nguồn phóng xạ.

d) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Bổ sung quy định việc mua bán, chuyển giao nguồn phóng xạ là một công việc bức xạ trong Luật NLNT, giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ về chuyển nhượng, chuyển giao nguồn phóng xạ.

- Yêu cầu việc xây dựng bổ sung các quy định cụ thể về điều kiện mua bán, chuyển giao nguồn phóng xạ, trình tự, thủ tục về thẩm định, cấp phép chuyển giao nguồn phóng xạ. Tuy nhiên, việc này sẽ dẫn đến sự trùng lặp trong công tác quản lý nhà nước, cụ thể: sau khi ký thỏa thuận/hợp đồng chuyển giao, phía đơn vị chuyển giao sẽ phải tiến hành thủ tục cấp giấy phép vận chuyển; bên tiếp nhận sẽ phải nộp hồ sơ đề nghị sử dụng, lưu giữ; hoặc các đơn vị nhập khẩu sẽ phải thực hiện thêm thủ tục cấp phép chuyển giao nguồn bức xạ cho đơn vị tiếp nhận (mặc dù các thuyết minh về bảo đảm an toàn, an ninh của đơn vị tiếp nhận đã có trong báo cáo đánh giá an toàn đối với hoạt động nhập khẩu).

4.2. Phương án 3: Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân khi có kế hoạch chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ phải tiến hành thủ tục khai báo cơ quan quản lý (bao gồm các cam kết của đơn vị tiếp nhận về việc bảo đảm các quy định về an toàn, an ninh).

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Việc thực hiện thủ tục khai báo dự kiến không mất phí, chỉ phát sinh chi phí rất nhỏ liên quan đến nhân lực, thời gian thực hiện thủ tục khai báo (đơn giản hơn thủ tục cấp phép). Vì vậy quy định này hầu như không phát sinh thêm chi phí để thực hiện giải pháp, không gây thêm tác động đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh.

- Hạn chế: doanh nghiệp sẽ cần mất các chi phí liên quan đến người phụ trách thực hiện việc khai báo, thời gian thực hiện khai báo, đi lại, in ấn... Tuy nhiên, chi phí này là không đáng kể.

b) Tác động về xã hội

Việc thực hiện khai báo cơ quan quản lý khi thực hiện chuyển giao là cơ sở giúp Cơ quan quản lý nhà nước có thông tin khai báo; từ đó có thể tiến hành đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, thanh tra đơn vị tiếp nhận nguồn bức xạ, giúp nâng cao nhận thức của Cơ sở cũng như tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này phát sinh thủ tục hành chính về thực hiện khai báo hoạt động chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ. Tuy nhiên, thủ tục khai báo sẽ đơn giản hơn nhiều so với thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: giúp hoàn thiện hệ thống văn bản quy pháp pháp luật liên quan đến quản lý nguồn bức xạ nói chung và việc chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ nói riêng.

- Tiêu cực: không.

5. Kiến nghị lựa chọn phương án:

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 3**: Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân khi có kế hoạch chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ phải tiến hành thủ tục khai báo cơ quan quản lý. Đây là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, giúp nâng cao công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, đồng thời góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản QLNN, thúc đẩy việc ứng dụng NLNT vào trong đời sống kinh tế xã hội, đồng thời hạn chế tối đa các tác hại bức xạ không mong muốn đối với con người và môi trường.

VI.1.2 CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ

1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định hiện hành, tổ chức, cá nhân có nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trên mức miễn trừ khai báo phải tiến hành các thủ tục khai báo, cấp phép tiến hành công việc bức xạ. Tuy nhiên, thực tế một số lượng không nhỏ thiết bị bức xạ thuộc diện trên mức miễn trừ có thiết kế tự che chắn, có khóa liên động (chỉ

vận hành được khi khoang phát tia được đóng kín), suất liều trong quá trình sử dụng chỉ xấp xỉ bằng phong môi trường, an toàn cho người sử dụng (ví dụ: các thiết bị phân tích huỳnh quang tia X, soi kiểm tra bo mạch điện tử, thiết bị phân tích sắc ký khí...). Vì vậy, việc yêu cầu tất cả các thiết bị phát tia X trên mức miễn trừ phải tiến hành thủ tục cấp phép và tiến hành gia hạn sau mỗi 03 năm¹⁷ là không cần thiết và gây lãng phí nguồn lực của cơ sở tiến hành công việc bức xạ (liên quan đến phí thẩm định cấp phép, thời gian, nguồn lực để thực hiện các thủ tục cấp phép,...). Việc này đồng thời cũng làm tăng khối lượng công việc của cơ quan quản lý, lãng phí trong việc phân bổ nguồn lực xử lý, lưu giữ hồ sơ.

Đối với nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trên mức miễn trừ, Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) đã đưa ra khuyến cáo về việc quản lý dưới hình thức khai báo, đăng ký và cấp phép.

Cụ thể, trong tài liệu GSR Part 3¹⁸. Tiêu chuẩn an toàn cơ bản, trong Yêu cầu số 7 về Thông báo và Cấp phép đã đưa ra khuyến cáo như sau:

“Một số công việc sau phù hợp với việc đăng ký:

- Vấn đề an toàn phần lớn có thể được bảo đảm do thiết kế của cơ sở và thiết bị;

- Quy trình vận hành thiết bị đơn giản để thực hiện;

- Yêu cầu tối thiểu về đào tạo an toàn;

- Trong thực tiễn, có ít các vấn đề, sự cố liên quan đến an toàn trong quá trình vận hành thiết bị;

- Quy trình vận hành ít có thay đổi đáng kể.”

Như vậy, các thiết bị có thiết kế tự che chắn, có khóa liên động (chỉ vận hành được khi khoang phát tia được đóng kín) như các thiết bị phân tích huỳnh quang tia X, soi kiểm tra bo mạch điện tử, phân tích sắc ký khí hoàn toàn phù hợp để quản lý dưới hình thức đăng ký theo hướng dẫn của IAEA.

2. Mục tiêu của chính sách

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí thực hiện các thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp,...

- Hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến khai báo, cấp phép phù hợp với khuyến cáo quốc tế và thực tiễn quản lý.

¹⁷ Thời hạn của giấy phép tiến hành công việc bức xạ được quy định tại Điều 37, Nghị định 142/2020/ND-CP.

¹⁸ Radiation Protection and Safety of Radiation Sources: International Basic Safety Standards General Safety Requirements Part 3 (GSR Part 3), IAEA, Vienna, 2014.

3. Các giải pháp đề xuất

Giải pháp 1: Giữ nguyên Luật và văn bản hướng dẫn như hiện nay

Giải pháp 2: Áp dụng hình thức đăng ký đối với thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong công việc bức xạ có mức độ rủi ro thấp.

Theo đó, bên cạnh hình thức quản lý khai báo và cấp phép như hiện nay, tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ đối với công việc bức xạ với các nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ có mức độ rủi ro thấp (quy trình vận hành đơn giản ít thay đổi, yêu cầu bảo đảm an toàn đơn giản,...) sẽ thực hiện thủ tục đăng ký với Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (thời hạn đăng ký 05 năm).

4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định như hiện nay

a) Tác động về kinh tế

* Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* Chi phí: công việc bức xạ với các thiết bị bức xạ tự che chắn, mức độ rủi ro thấp việc quản lý sẽ đơn giản hơn rất nhiều so với các thiết bị/nguồn phóng xạ khác, việc yêu cầu cơ sở tiến hành công việc bức xạ thực hiện thủ tục cấp phép (thời hạn giấy phép 03 năm) gây lãng phí nguồn lực, chi phí của cơ sở tiến hành công việc bức xạ cũng như của cơ quan quản lý, cụ thể:

- Hoạt động của doanh nghiệp bị ảnh hưởng khi phải phân bổ nguồn lực để tiến hành các thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ;

- Cơ quan quản lý đang quá tải trong việc phân bổ nguồn nhân lực cần thiết để xử lý các hồ sơ cấp phép tiến hành công việc bức xạ liên quan. Cơ quan quản lý sẽ không tối ưu hóa được nguồn nhân lực do phải phân bổ thực hiện thủ tục cấp phép đối với công việc bức xạ có mức độ rủi ro thấp.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp không gây ra thêm những tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

* Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

* Tiêu cực: Chưa thực hiện theo hướng dẫn quốc tế.

4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế

* Đối với nhà nước: tiết kiệm thời gian, nguồn lực thẩm định hồ sơ, từ đó tối ưu hóa nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ chính trị khác. Tuy nhiên, nếu áp dụng hình thức đăng ký với thời hạn 05 năm có thể làm giảm khoản thu ngân sách từ việc thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

* Đối với doanh nghiệp: Tính đến thời điểm cuối năm 2023, theo thống kê của Cục ATBXHN, hiện trên cả nước có khoảng 1000¹⁹ thiết bị phân tích huỳnh quang tia X có cơ cấu tự che chắn. Phí thẩm định đối với thủ tục cấp phép liên quan cho mỗi thiết bị là 3 triệu đồng²⁰ (thời hạn giấy phép 03 năm) và 3 tỷ đồng cho 1000 thiết bị trong 3 năm, lấy trung bình 1 tỷ đồng trong 1 năm. Như vậy, nếu quy định về thủ tục đăng ký (phí đăng ký có thể giữ nguyên hoặc giảm xuống so với thủ tục cấp phép), thời hạn đăng ký kéo dài lên thành 05 năm. Như vậy, phí thẩm định để đăng ký 1000 thiết bị trong 05 năm là 3 tỷ đồng, lấy trung bình 600 triệu đồng trong 1 năm. Như vậy, nếu áp dụng việc đăng ký với thời hạn đăng ký 05 năm, có thể tiết kiệm kinh phí khoảng 400 triệu đồng cho doanh nghiệp mỗi năm. Ngoài ra, theo định hướng trong dự thảo Luật sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành luật thì thủ tục đăng ký sẽ đơn giản hóa về thành phần hồ sơ và các quy định khác liên quan đến kiểm xạ, đọc liều chiếu xạ cá nhân... Do đó, các doanh nghiệp tiết kiệm được nguồn lực đáng kể (mà chưa tính toán định lượng được) để thực hiện thủ tục hành chính và các quy định khác liên quan. Con số này có thể sẽ tăng hơn nữa nếu giảm mức phí của thủ tục đăng ký so với thủ tục cấp phép và áp dụng cho các loại thiết bị bức xạ tự che chắn trong các công việc khác.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp không gây ra thêm những tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động thủ tục hành chính

¹⁹ Số liệu thống kê từ hệ thống quản lý RAISVN của Cục ATBXHN.

²⁰ Mức phí quy định tại Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, cụ thể: thủ tục đăng ký đơn giản hơn so với thủ tục cấp phép. Cơ sở tiến hành công việc bức xạ khi thực hiện thủ tục đăng ký thì không phải thực hiện thủ tục cấp phép.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật: giúp hoàn thiện hệ thống pháp luật theo đúng hướng dẫn, khuyến cáo quốc tế (của IAEA).

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích ở trên, việc lựa chọn giải pháp *Giải pháp 2: Áp dụng hình thức đăng ký đối với thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong công việc bức xạ có mức độ rủi ro thấp* là phù hợp.

VI.1.3 CẤP GIẤY PHÉP TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ

VI.1.3.A. CÁC VẤN ĐỀ TRONG LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CẤP GIẤY PHÉP TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ

1. Xác định vấn đề bất cập

a) *Vấn đề 1*: Liên quan đến các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam: Theo quy định tại Điều 2 Luật NLNT 2008 thì “*Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tiến hành các hoạt động trong lĩnh vực NLNT tại Việt Nam.*” Điểm a, khoản 1, Điều 75: điều kiện cấp phép: “*Được thành lập theo quy định của pháp luật*”. Thực tế trong thời gian qua, có những công ty nước ngoài không có Văn phòng đại diện hoặc Chi nhánh ở Việt Nam đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam. Tuy nhiên, quy định về điều kiện cấp phép đối với tổ chức nước ngoài: được thành lập theo quy định pháp luật là chưa rõ ràng. Do vậy, cần quy định rõ yêu cầu về thành lập đối với các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ ở Việt Nam. Ví dụ như việc cấp phép cho hãng hàng không nước ngoài vận chuyển vật liệu hạt nhân quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam sẽ không thể thực thi theo chính sách này.

b) *Vấn đề 2*: Liên quan đến việc vận chuyển vật liệu phóng xạ:

Kiểm soát vận chuyển quá cảnh vật liệu phóng xạ theo quy định tại Điều 64. Kiểm soát an toàn đối với vận chuyển quá cảnh vật liệu phóng xạ và hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân. “*Việc vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân trên lãnh thổ Việt*

Nam phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép và phải chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền”.

Khoản 1 Điều 9 Nghị định 07/2010/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NLNT 2008 quy định “*Việc vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân trên lãnh thổ Việt Nam phải được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép sau khi đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản”.*

Tuy nhiên, qua việc triển khai thực tế, việc vận chuyển quá cảnh các nguồn phóng xạ kín nhóm 2, 3, 4 và 5 phải được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bằng văn bản có thể là không cần thiết và quá khắt khe. Do vậy, chỉ sửa đổi các quy định này và chỉ cần thiết quy định việc xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ vận chuyển quá cảnh đối với nguồn phóng xạ nhóm 1, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân phải xin ý kiến của Thủ tướng.

2. Mục tiêu của chính sách

a) Góp phần thúc đẩy khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư vào hoạt động trong lĩnh vực NLNT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, đóng góp tích cực trong cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

3.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép. Theo đó, Luật NLNT (sửa đổi) cần quy định cụ thể:

Đối với Vấn đề 1: Liên quan đến các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam: Cần quy định rõ yêu cầu về thành lập đối với các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ ở Việt Nam.

Đối với Vấn đề 2:

Cần xem xét loại bỏ các quy định không hợp lý trong thực tiễn như là “việc vận chuyển quá cảnh các nguồn phóng xạ kín nhóm 2, 3, 4 và 5 phải được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bằng văn bản”, chỉ cần thiết quy định việc xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ vận chuyển quá cảnh đối với nguồn phóng xạ nhóm 1, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân.

4. Đánh giá tác động các giải pháp

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản dưới Luật như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

* Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* Chi phí: Vì chưa có quy định cụ thể đối với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoạt động ở Việt Nam nên nhiều hoạt động ứng dụng NLNT không thể triển khai. Một số dự án về đầu tư ứng dụng NLNT như sản xuất, lắp ráp và thử nghiệm thiết bị bức xạ không thể triển khai. Các quy định về xin ý kiến Thủ tướng bằng văn bản đối với việc quá cảnh các nguồn phóng xạ nhóm 2, 3, 4, 5 dẫn đến việc gây khó khăn cho các doanh nghiệp thực hiện các công việc kinh doanh ở các nước lân cận như (Lao, Campuchia).

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Thủ tục hành chính không hợp lý, làm tăng chi phí, thời gian tuân thủ của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

* Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.

* Tiêu cực: Khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là không thực hiện được hoặc không thúc đẩy ứng dụng NLNT vào phát triển kinh tế - xã hội.

4.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép.

a) Tác động về kinh tế

* Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí mới để thực hiện theo giải pháp này. Tạo tiền đề thuận lợi cho việc thúc đẩy các ứng dụng NLNT vào phát triển kinh tế - xã hội.

* Chi phí: Giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính theo giải pháp này.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

- Hoàn thiện tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục hành chính.

- Góp phần giảm chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

* Tích cực: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Tăng khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

* Tiêu cực: Phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật (quy định trong Luật và văn bản dưới luật).

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích ở trên, Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2**: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép.

VI.1.3.B. CẤP GIẤY PHÉP THỬ NGHIỆM THIẾT BỊ BỨC XẠ

1. Xác định vấn đề bất cập

Luật Năng lượng nguyên tử về cơ bản đã bao quát được phần lớn các hoạt động ứng dụng bức xạ ion hóa trong xã hội. Tuy nhiên trong thực tiễn quản lý đã phát sinh thêm một loại hình công việc mà nó chưa được quy định đầy đủ và rõ ràng tại Luật Năng lượng nguyên tử, đó là hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ. Hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ thường được thực hiện bởi các tổ chức nhập khẩu, hoặc gia công, lắp ráp thiết bị bức xạ mà chủ yếu là các thiết bị X-quang y tế. Sau khi mua thiết bị nguyên chiếc từ nhà sản xuất hoặc tiến hành gia công, lắp ráp các linh kiện thành thiết bị hoàn chỉnh, các tổ chức thương mại tiến hành kiểm tra, đánh giá xác định một số đặc tính kỹ thuật liên quan đến an toàn bức xạ của thiết bị tại xưởng hoặc nhà máy của mình trước khi bán lại cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu mua để sử dụng. Việc xác định, đánh giá các đặc tính kỹ thuật của thiết bị thường chỉ tập kiểm tra bộ phận phát bức xạ xem có vận hành bình thường và ổn định theo hay không, các bước thực hiện đơn giản không đòi hỏi phải đầy đủ các nội dung như kiểm định thiết bị được quy định tại các Quy chuẩn Việt Nam. Toàn bộ việc thử nghiệm được diễn ra tại các xưởng hoặc nhà máy của các tổ chức thử nghiệm, trong quá trình thử nghiệm các thiết bị được vận hành để

phát bức xạ phục vụ việc kiểm tra, đánh giá theo quy trình kỹ thuật của cơ sở. Sau khi thiết bị đạt yêu cầu về thử nghiệm, các thiết bị được chuyển đến cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng. Thông thường, khoảng thời gian từ lúc thử nghiệm cho đến khi bàn giao thiết bị cho các tổ chức, cá nhân là người sử dụng cuối diễn ra khá ngắn, chỉ khoảng từ 3-7 ngày.

Từ những phân tích ở trên có thể thấy, về bản chất hoạt động thử nghiệm gây ra chiếu xạ nghề nghiệp và công chúng và có những đặc điểm gần giống với hoạt động sử dụng thiết bị bức xạ. Tuy nhiên nếu đối chiếu theo quy định tại Điều 18 của Luật Năng lượng nguyên tử thì loại hình này lại có một số đặc thù riêng và không được điều chỉnh một cách rõ ràng, tường minh trong danh mục công việc bức xạ như:

Thử nghiệm thiết bị bức xạ những đặc điểm giống với việc sử dụng thiết bị bức xạ nhưng bản chất công việc này khác biệt, vì tổ chức thử nghiệm không có mục đích sử dụng thiết bị bức xạ mà chỉ là kiểm tra đánh giá một số đặc tính kỹ thuật của bộ phận bức xạ của thiết bị, trong khi đó chủ thể sử dụng thiết bị lại là khách hàng của họ.

Mặt khác, hoạt động thử nghiệm cũng chưa phải là hoạt động kiểm định thiết bị bức xạ do không đánh giá đầy đủ các định mức kỹ thuật theo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN. Sau khi tổ chức, cá nhân là khách hàng sử dụng thiết bị bức xạ nhận được thiết bị thì sẽ phải tiến hành kiểm định thiết bị và lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ. Ngoài ra thời hạn của giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ theo quy định chỉ cấp cho một thiết bị cụ thể và có thời hạn từ 3-5 năm, trường hợp thiết bị bức xạ bị thay thế hoặc không còn sử dụng thì cơ sở tiến hành công việc bức xạ phải làm lại giấy phép mới. Điều này rõ ràng là không phù hợp nếu đánh đồng hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ với công việc sử dụng thiết bị bức xạ (nếu căn cứ theo quy định của Luật năng lượng nguyên tử) bởi vì như đã nêu ở trên loại hình thử nghiệm thiết bị chỉ diễn ra trong thời gian rất ngắn (chỉ từ 3-5 ngày) và cũng không cố định cho với thiết bị cụ thể nào do thiết bị sẽ được chuyển giao ngay cho người dùng cuối khi hoàn tất việc thử nghiệm.

Trong quá trình triển khai công tác quản lý theo chức năng, từ những năm 2018 Cục ATBXHN đã phải đối mặt với các bất cập như đã nêu khi phải giải quyết bài toán quản lý cấp phép đối với một số tổ chức có hoạt động thử nghiệm thiết bị X-quang y tế từ lâu, có thể kể đến như Công ty Liên doanh Y học Việt – Hàn, Công ty TNHH Thiết bị Việt Ba, Công ty TNHH Thiết bị y tế 130 Armephaco. Ngay bản thân các tổ chức này cũng gặp khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng loại hình công việc nào trong Luật để thực hiện việc đề nghị cấp phép cũng như các công tác quản lý, bảo đảm an toàn bức xạ này trong hoạt động thử nghiệm. Những bất cập như trên xuất phát từ việc Luật Năng lượng nguyên

tử chưa “tính đến” và dẫn đến chưa có các quy định rõ ràng cho hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ.

Để có phương án giải quyết tạm thời vấn đề này, Chính phủ ban hành Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 “quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử” qua đó quy định loại hình hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ là một loại hình dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Tuy nhiên, giải pháp này chỉ mang tính giải quyết tình thế và có phần khiên cưỡng vì không giải quyết đến bản chất công việc thử nghiệm thiết bị bức xạ (tổ chức thực hiện theo quy định này không liên quan trực tiếp đến hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử).

2. Mục tiêu của chính sách

Như đã trình bày ở trên, với bối cảnh hiện nay khi các doanh nghiệp về trang thiết bị y tế ngày càng phát triển và có xu hướng tiếp cận sâu hơn với các khía cạnh công nghệ thay vì chỉ thực hiện việc xuất nhập khẩu đơn thuần thì công việc lắp ráp, gia công, thử nghiệm thiết bị bức xạ ngày càng phổ biến, điều này dẫn đến cơ quan lập pháp cần hoàn thiện thể chế để cập nhật các quy định tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức cá nhân hoạt động một cách chính thống nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đồng thời đáp ứng được nhu cầu quản lý đảm bảo an toàn bức xạ cho môi trường và nhân dân.

Nội dung về hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ cần phải được điều chỉnh và đưa vào danh mục các công việc bức xạ (hiện đang được quy định tại Điều 18 của Luật Năng lượng nguyên tử 2008).

Ngoài các quy định mang tính nguyên lý chung để đảm bảo an toàn bức xạ, đưa ra các quy định dựa trên xem xét các yếu tố đặc thù của loại hình công việc này như: thời hạn tiến hành công việc bức xạ đối với một thiết bị cụ thể là ngắn và thường xuyên thay đổi thiết bị bức xạ.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Phương án 1:

Không thay đổi quy định hiện hành

3.2. Phương án 2:

Bổ sung loại hình thử nghiệm thiết bị bức xạ vào danh mục công việc bức xạ và các quy định về điều kiện cấp phép, thời hạn của giấy phép:

Điều XXXX. Công việc bức xạ

Công việc bức xạ bao gồm các hoạt động sau đây:

i) Thử nghiệm thiết bị bức xạ

Điều XXXX. Giấy phép tiên hành công việc bức xạ

ii) Thử nghiệm thiết bị bức xạ;

Điều XXX. Thời hạn của Giấy đăng ký, Giấy phép

iii) Giấy phép thử nghiệm thiết bị bức xạ có thời hạn 03 năm;

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1: Không thay đổi quy định hiện hành

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Quy định hiện tại được ban hành như là giải pháp tình thế và đã được ban hành, áp dụng một thời gian dài, một số tổ chức cá nhân không phải đầu tư thời gian, công sức cập nhật lại các quy định mới khi sửa lại.

- Hạn chế: Như đã trình bày việc đưa hoạt động thử nghiệm và loại hình dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng chỉ là biện pháp tình thế để đợi sau này sửa Luật. Do đó nếu không thay đổi quy định cho phù hợp thì không có một khuôn khổ pháp lý vững chắc, khoa học và minh bạch, các doanh nghiệp sẽ dễ gặp các vấn đề tranh chấp pháp lý dẫn đến phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh.

b) Tác động về xã hội

- Lợi ích: Không.

- Hạn chế: Không.

c) Tác động về thủ tục hành chính: không.

d) Tác động về giới: không

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành

- Tiêu cực: không bảo đảm tính rõ ràng của pháp luật, gây chông chéo về thẩm quyền quản lý của các cơ quan chức năng; khó đồng bộ với các hướng dẫn quốc tế.

4.2. Phương án 2: Đề xuất bổ sung hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ vào danh sách các công việc bức xạ.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Việc quy định rõ loại hình công việc thử nghiệm trong tạo cơ sở pháp lý minh bạch, định hướng phát triển một ngành nghề mới của các tổ chức, cá nhân. Xu hướng của hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ hiện nay và tương lai ngày càng phát triển, việc xây dựng quy định quản lý có liên quan vừa để quản